

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khánh Thành

2. Ông Nguyễn Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 365/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ T, sinh năm 1989

HKTT: D1/007, tổ 4, ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: tổ 4, ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Phạm M, sinh năm 1982

Địa chỉ: D1/007, tổ 4, ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông M vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Vũ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Trung vào ngày 28/9/2007. Đây là lần đăng ký kết hôn lần đầu của chị T.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm và lối sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh M thường xuyên rượu chè say xỉn, mỗi lần say xỉn anh M thường

kiếm chuyện và dùng những lời lẽ xúc phạm chị T thậm tệ. Do mâu thuẫn trầm trọng nên hiện giữa chị T và anh M đã không còn sống chung với nhau nhưng mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm KN, sinh ngày 15/9/2009, Phạm N, sinh ngày 06/01/2015 và Phạm K, sinh ngày 07/12/2020. Khi ly hôn, chị Vũ T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm K, sinh ngày 07/12/2020. Chị T đồng ý giao các cháu Phạm KN, sinh ngày 15/9/2009, Phạm N, sinh ngày 06/01/2015 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị T không yêu cầu anh Phạm M cấp dưỡng nuôi cháu K và chị T không cấp dưỡng nuôi cháu KN và N.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các bản tự khai, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm M thừa nhận về quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Vũ T như chị T trình bày là đúng và đây là lần đăng ký kết hôn đầu tiên của anh M.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống cũng hạnh phúc được khoảng 15 năm, mặc dù quá trình chung sống giữa anh M và chị T vẫn có xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự lẫn nhau nhưng mọi việc vẫn chưa đến mức trầm trọng. Anh M thừa nhận quá trình chung sống thì anh M có uống rượu với bạn bè như chị T trình bày nhưng anh M vẫn phụ chị T nuôi con. Tuy nhiên, cách đây khoảng 06 đến 07 tháng anh M đi làm về chị T có chửi anh M dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, giữa anh M và chị T có xảy ra xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên đều biết và hòa giải nhưng chưa giải quyết được. Sau khi xảy ra cãi vã thì giữa anh M và chị T đã sống ly thân nhau, anh M có gắng nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không chịu, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Sau đó chị T đã tự ý dọn đồ về nhà mẹ ruột để sinh sống cho đến nay. Anh M có xuống gặp chị T nhiều lần để xin lỗi và khuyên chị T về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý.

Nay nhận thấy vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng theo anh M nghĩ chưa đến mức trầm trọng nên anh M không đồng ý ly hôn mong Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh M cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Theo anh M, vợ chồng chung sống có 03 con chung là Phạm KN, sinh ngày 15/9/2009, Phạm N, sinh ngày 06/01/2015 và Phạm K, sinh ngày 07/12/2020.

Trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Phạm KN, sinh ngày 15/9/2009, Phạm N, sinh ngày 06/01/2015 và đồng ý giao cháu Phạm K, sinh ngày 07/12/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh M không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu KN và cháu N. Anh M không cấp dưỡng nuôi cháu K.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, nhưng anh Phạm M vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T, anh M.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: Giao các cháu Phạm KN, sinh ngày 15/9/2009, Phạm N, sinh ngày 06/01/2015 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm K, sinh ngày 07/12/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tam thời anh M và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”; bị đơn đang cư trú tại D1/007, tổ 4, ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Ngày 21/8/2023, nguyên đơn chị Vũ T gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, thông báo cho bị đơn anh Phạm M biết phải có mặt tại Tòa án vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 31/8/2023, để tham gia phiên tòa, anh M vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Ngày 31/8/2023, Tòa án tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa số 97/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 thông báo cho anh M phải có mặt tại Tòa án vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 21/9/2023 để tham gia phiên tòa, anh M tiếp tục vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ

luật tố tụng Dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xử vắng mặt chị T, anh M.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ T và anh Phạm M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 133 ngày 28/9/2007 nên áp dụng Điều 9; Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo chị T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rồi bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh M thường xuyên rượu chè say xỉn, mỗi lần say xỉn anh M thường kiếm chuyện và dùng những lời lẽ xúc phạm chị T thậm tệ Mặc dù sống chung một nhà nhưng hiện cả hai đã sống ly thân không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc cho nhau. Anh M cũng thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng theo anh M chưa đến mức trầm trọng, tuy nhiên giữa anh M và chị T đã sống ly thân và hiện đã không còn sống chung với nhau, ngoài ra anh M cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh M không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Phạm M đến Tòa tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh M nhưng anh M vẫn vắng mặt, cho thấy anh M không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc việc chị T xin ly hôn với anh M là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ T.

[2.2] *Về con chung:* Trong quá trình sống chung chị T và anh M có 03 con chung là Phạm KN, sinh ngày 15/9/2009, Phạm N, sinh ngày 06/01/2015 và Phạm K, sinh ngày 07/12/2020.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Phạm K, sinh ngày 07/12/2020, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi cháu K; chị T đồng ý giao cháu Phạm KN, sinh ngày 15/9/2009, Phạm N, sinh ngày 06/01/2015 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi cháu KN, cháu Ngọc.

Trường hợp ly hôn, anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Phạm KN, sinh ngày 15/9/2009, Phạm N, sinh ngày 06/01/2015 và đồng ý giao cháu Phạm K, sinh ngày 07/12/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu KN và cháu Ngọc. Anh M không cấp dưỡng nuôi cháu K.

Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là trách nhiệm của cha mẹ. Chị T và anh M đều thống nhất ý kiến về việc chăm sóc các con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và tạo điều kiện phát triển về mọi mặt nên giao các cháu Phạm KN, sinh ngày 15/9/2009, Phạm N, sinh ngày 06/01/2015 cho anh M trực tiếp

nuôi dưỡng; giao cháu Phạm K, sinh ngày 07/12/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh M và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị T, anh M vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh M và chị T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản*: Chị T và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị T và anh M trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ T và anh Phạm M được ly hôn.

2. Về con chung: Giao các cháu Phạm KN, sinh ngày 15/9/2009, Phạm N, sinh ngày 06/01/2015 cho anh M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm K, sinh ngày 07/12/2020 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh M và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị T, anh M vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con. Anh M và chị T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vũ T phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là

300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0009426 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Thống Nhất;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quang Phúc